

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 /12/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trục
2. Bà Lý Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý S Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường Q, khu vực 6, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh S, sinh năm 1987

Địa chỉ: xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Võ Thanh S được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2016 và tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 01 con chung, tên Võ Thanh L, sinh ngày 17/02/2017 giới tính nữ. Từ khi sinh ra cháu L sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hàng tháng, với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật số tiền 750.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 04 chiếc xe mô tô; cụ thể: 01 xe mô tô hiệu Hoda- Sonic 150R mang biển số 92B2-006.03; 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode mang biển số 95B1-400.80, hai xe này đứng tên Trần Thị T. Và 01 xe mô tô Honda Air Blade F1 mang biển số 65-H1-001.56 và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave ZX mang biển số 95-F3- 3966, hai xe này mua bằng giấy tay nên không có giấy đăng ký xe. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị T yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Đến ngày 15/11/2021 chị T có đơn yêu cầu rút lại phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn; vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Thanh S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh S theo quy định pháp luật. Nhưng anh S không đến Tòa án để thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và rút lại phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn anh S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện anh Võ Thanh S địa chỉ ấp 6, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh S ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Võ Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị T cho rằng do vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn và anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải hàn gắn nhưng anh S không đến và tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt. Nhận thấy, anh S đã bỏ mặt cuộc hôn nhân này, nên Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh S là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thanh L, sinh ngày 17/02/2017 (giới tính: nữ). Từ khi ly thân đến nay con chung do chị T nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, anh S không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án quyết định giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành cho anh S được quyền thăm mon, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 750.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, về mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là cơ bản đảm bảo một phần nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh S là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng hàng tháng số tiền 750.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn: Nguyên đơn chị T rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, do chị và anh S sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên Tòa án đình chỉ xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật khi có phát sinh tranh chấp.

[2.4] Về nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án theo biên lai thu số 0001034 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh S phải chịu 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Thanh L, sinh ngày 17/02/2017 (giới tính: nữ) cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Võ Thanh S không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Võ Thanh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thanh L hàng tháng số tiền 750.000đồng/tháng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng/ tháng*) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật khi có phát sinh tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001034 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

3. Án phí cấp dưỡng: Anh Võ Thanh S phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Võ Thanh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;
- UBND xã Vị Đông, h V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương